TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2347/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Thủ Đức, ngày 12 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1133/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023 về việc"Ly hôn", giữa:

- Nguyên đơn: Bà Trịnh Hải Y, sinh năm 1987
  Số CCCD: 075187001XXX
  Địa chỉ: Đường B, Khu phố C, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Bị đơn: Ông Bùi Bá N, sinh năm 1987
  Số CCCD: 0790870117XXX
  Địa chỉ: Chung cư L, Đường N, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Bà Trịnh Hải Y và ông Bùi Bá N.

(Giấy chứng nhận kết hôn số XX/2015 ngày 26 tháng 8 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt hiệu lực kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Y và ông N thống nhất có 01 con chung là Bùi Nguyên P, sinh ngày 07/11/2017. Vợ chồng thống nhất giao con chung Bùi Nguyên P cho bà Trịnh Hải Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của Bà Y không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Ông N được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục các con chung. Vì quyền lợi của các con chung, khi cần thiết một trong hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi giữ hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Y và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng, bà Bà Trịnh Hải Y tự nguyện chịu toàn bộ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Y đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*) đồng theo biên lai thu số AA/2023/0003318 do Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức lập

ngày 12 tháng 5 năm 2023. Hoàn trả cho Bà Y số tiền 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng. Ông N không phải chịu án phí.

Các đương sự tự thực hiện hoặc thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thủ Đức;
- Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Thanh Nga